

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12935/UBND-KTN

Đồng Nai, ngày 27 tháng 10 năm 2020

V/v triển khai Quyết định số 2473/QĐ-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Kính gửi: Giám đốc Sở Công Thương.

Triển khai thực hiện Quyết định số 2473/QĐ-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (file điện tử đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-BCT nêu trên của Bộ trưởng Bộ Công Thương để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Quá trình thực hiện, có khó khăn vướng mắc, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xử lý./. *fu*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, Công TTĐT, KTN (*Minhdc*).

10-2020

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**



Ký bởi: Bộ Công Thương  
Cơ quan: Bộ Công thương  
Thời gian ký: 12.10.2020 08:3

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2 4 7 3**  
/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **21** tháng **9** năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư,  
nguyên liệu trong nước đã sản xuất được**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;*

*Căn cứ Công văn số 7551A/BCT-KH ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;*

*Căn cứ đề nghị của Sở Công Thương Hồ Chí Minh tại Công văn số 2525/SCT-QLCN ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc đề nghị bổ sung sản phẩm của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Vietstar vào Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

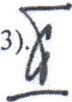
**Điều 3.** Trong quá trình thực hiện, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội

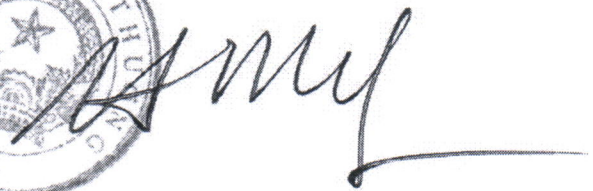
ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN; UBQLVNN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các TĐ, TCT 90,91;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (3).



**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
  
  
**Cao Quốc Hưng**

**DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ VIETSTAR**

**Phụ lục**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2 4 7 3 /QĐ-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Mã số theo biểu thuế nhập khẩu |           | Tên mặt hàng | Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tỷ lệ phần trăm chi phí sản xuất trong nước (%) <sup>1</sup> |
|--------------------------------|-----------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Nhóm                           | Phân nhóm |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                              |
| 8537                           | 20        | 90           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ lộ vào – ra; tủ máy cắt liên lạc).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 630 A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>                                  | 36,46%                                                       |
|                                |           |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ lộ vào – ra; tủ máy cắt liên lạc) (Loại bao gồm biến điện áp (VT)).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 630 A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul> |                                                              |
|                                |           |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ đo lường (biến điện áp (VT))).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 630 A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s;</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>                                     |                                                              |
|                                |           |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ đo lường (biến điện áp (VT) kết hợp tủ nối thanh cái).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 2500A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>              |                                                              |
|                                |           |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ Dao cắt tải (LBS)).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 630A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/1s</li> </ul>                                                                                                        | 40,8%                                                        |

<sup>1</sup> Tỷ lệ phần trăm chi phí sản xuất trong nước được xác nhận tại thời điểm ban hành Quyết định.

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |        |  |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--|
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                     |        |  |
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ lộ vào – ra; tủ máy cắt liên lạc).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 1250A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>                                   | 37,44% |  |
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ lộ vào – ra; tủ máy cắt liên lạc). (Loại bao gồm biến điện áp (VT)).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 1250A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul> | 35,62% |  |
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ lộ vào – ra; tủ máy cắt liên lạc).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 2000A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>                                   | 32,27% |  |
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ lộ vào – ra; tủ máy cắt liên lạc). (Loại bao gồm biến điện áp (VT)).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 2000A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul> | 31,83% |  |
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ lộ vào – ra; tủ máy cắt liên lạc).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 2500A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>                                   | 32,75% |  |
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ lộ vào – ra; tủ máy cắt liên lạc). (Loại bao gồm biến điện áp (VT)).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 2500A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul> | 32,3%  |  |
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ dao cắt).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 2500A.</li> </ul>                                                                                                                                                                   | 48,27% |  |

Tủ điện trung thế  
(hay còn gọi là tủ  
điện đóng cắt và  
điều khiển cao  
áp)

8537

20

90

|      |    |    |  |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                               |        |
|------|----|----|--|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|      |    |    |  |                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s;</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>                                                                                                                              |        |
|      |    |    |  |                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ dao cắt).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 1250A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul>       | 44,48% |
|      |    |    |  |                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ nối thanh cái).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 1250A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul> | 56,72% |
| 8537 | 20 | 90 |  | Tủ điện trung thế<br>(hay còn gọi là tủ<br>điện đóng cắt và<br>điều khiển cao<br>áp) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ nối thanh cái).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 2500A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul> | 78,97% |
|      |    |    |  |                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu: NEX24 (VSNex24) (tủ nối thanh cái).</li> <li>- Điện áp định mức: 24kV; Dòng điện định mức: lên đến 2000A.</li> <li>- Khả năng chịu đựng ngắn mạch: 25kA/3s</li> <li>- Khả năng chịu hồ quang bên trong: 25 kA/1s</li> </ul> | 78,36% |